

BẢNG GHI ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ: III - NĂM HỌC: 2021 - 2022

Lớp: 19COT3-N2+19OT-TDC1 (Ca 1)

Số tín chỉ: 02

Ngày thi: 17/06/2022

Môn: Kỹ thuật vận hành ô tô

Hệ: CĐCQ

Phòng thi: Xưởng

Địa điểm thi: 23 Hữu Nghị, phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
1	Đoàn Trung	Hiếu	23/08/2001	10.0	Mười	
2	Đào Văn	Hưng	15/12/2001	9.0	Chín	
3	Trương Trọng	Kiên	13/04/2001	10.0	Mười	
4	Nguyễn Văn	Lâm	12/02/2001	10.0	Mười	
5	Trần Quốc	Nam	25/4/2001	10.0	Mười	
6	Nguyễn Bá	Nghĩa	29/09/2001	8.0	Tám	
7	Nguyễn Anh	Nhiên	05/01/2001	7.0	Bảy	
8	Nguyễn Sĩ	Ninh	13/02/2001	10.0	Mười	
9	Nguyễn Tấn	Phát	09/01/2001	7.0	Bảy	
10	Võ Quang Long	Phát	05/10/2001	10.0	Mười	
11	Dương Nhật	Phi	16/09/2001	9.0	Chín	
12	Nguyễn Trọng	Phúc	02/01/2001	10.0	Mười	
13	Trần Tổng	Quân	04/01/2001	10.0	Mười	
14	Đoàn Ngọc	Tân	24/01/2001	9.0	Chín	
15	Đặng Chiến	Thắng	13/02/1997	8.0	Tám	
16	Nguyễn Tuấn	Thanh	14/08/2001	9.0	Chín	
17	Trần Văn	Thảo	16/10/2001	6.5	Sáu năm	
18	Trần Văn	Thi	16/01/2001	10.0	Mười	
19	Nguyễn Xuân	Thìn	21/12/2000	7.0	Bảy	
20	Lê Thành	Thức	22/12/2001	10.0	Mười	
21	Trần Xuân	Thủy	31/08/2001	10.0	Mười	
22	Hà Trọng	Tín	08/08/2001	8.0	Tám	
23	Phan Phụng	Toàn	15/12/2001	8.0	Tám	
24	Lê Ngọc	Tú	03/08/1999	9.0	Chín	

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
25	Nguyễn Minh	Vĩ	21/06/2001	6.0	Sáu	
26	Tô Thanh	Vinh	23/11/2001	10.0	Mười	
27	Phạm Trường	Vũ	03/03/2001	10.0	Mười	
28	Bùi Tuấn	Vũ	10/10/2000	10.0	Mười	

Số SV dự thi: 28

Số SV vắng thi: 01

Tổng số bài thi: 28

Tổng số tờ: 28

Phòng Khảo thí & ĐBCL

(Ký, ghi rõ họ tên)

ThS. Dương Huỳnh Thanh Túy

BẢNG GHI ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ: III - NĂM HỌC: 2021 - 2022

Lớp: 19COT2 (Ca 2)

Số tín chỉ: 02

Ngày thi: 17/06/2022

Môn: Kỹ thuật vận hành ô tô

Hệ: CDCQ

Phòng thi: Xưởng

Địa điểm thi: 23 Hữu Nghị, phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
1	Trương Hoàng	Bil	24/12/2000	6.0	Sáu	
2	Đào Phước	Bình	30/09/2001	8.0	Tám	
3	La Trọng	Bình	20/10/2001	10.0	Mười	
4	Nguyễn Mạnh	Đình	17/09/2001	9.0	Chín	
5	Nguyễn Hữu	Đức	17/10/2001	6.0	Sáu	
6	Đoàn Minh	Hào	11/06/2001	6.0	Sáu	
7	Hường Thanh	Hiền	02/02/2001	9.0	Chín	
8	Trần Minh	Huy	20/12/2000	10.0	Mười	
9	Phạm Tấn	Khang	23/12/2001	10.0	Mười	
10	Nguyễn Tịnh	Khoa	24/04/2001	7.0	Bảy	
11	Lê Minh	Lộc	14/09/2000	10.0	Mười	
12	Ngô Thanh	Năng	12/11/2001	10.0	Mười	
13	Cao Minh	Nghiêm	22/01/2001	8.0	Tám	
14	Hồ Minh	Phúc	24/01/2000	6.5	Sáu năm	
15	Huỳnh Trọng	Phúc	24/12/2001	8.0	Tám	
16	Nguyễn Duy	Tân	08/04/2001	8.0	Tám	
17	Nguyễn Quốc	Thái	08/05/2001	6.0	Sáu	
18	Huỳnh Chánh	Tín	07/05/2001	8.0	Tám	
19	Nguyễn Văn	Toàn	05/08/2001	6.0	Sáu	
20	Văn Thị Cẩm	Tú	01/10/2001	9.0	Chín	
21	Lê Tấn	Vinh	22/01/2001	10.0	Mười	
22	Trần Phú	Vinh	22/09/2001	6.0	Sáu	
23	Lý Văn	Vũ	16/03/2001	7.0	Bảy	

Số SV dự thi: 23

Tổng số bài thi: 23

Số SV vắng thi: 01

Tổng số tờ: 23

Phòng Khảo thí & ĐBCL

(Ký, ghi rõ họ tên)

ThS. Dương Huỳnh Thanh Túy

BẢNG GHI ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ: III - NĂM HỌC: 2021 - 2022

Lớp: 19COT1-N1 (Ca 1)

Số tín chỉ: 02

Ngày thi: 18/06/2022

Môn: Kỹ thuật vận hành ô tô

Hệ: CDCQ

Phòng thi: Xưởng

Địa điểm thi: 23 Hữu Nghị, phường Bình Thọ, Tp. Thủ Đức

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
1	Trình Hoài	Bảo	28/07/2001	6.0	Sáu	
2	Vũ Quý	Đôn	28/11/2001	10.0	Mười	
3	Lê Lâm	Duẩn	10/02/2001	10.0	Mười	
4	Lê Việt	Đức	18/08/2001	8.0	Tám	
5	Nguyễn Thành	Đức	25/12/2001	8.0	Tám	
6	Trần Quốc	Hải	29/07/2001	8.0	Tám	
7	Lữ Huỳnh Minh	Hiền	16/05/2001	8.0	Tám	
8	Lê Huy	Hoàng	15/4/2001	10.0	Mười	
9	Nguyễn Vũ	Hoàng	16/09/2001	10.0	Mười	
10	Văn Công Triết	Hưng	24/02/2001	9.0	Chín	
11	Phạm Quang	Khải	16/06/2001	6.0	Sáu	
12	Tiêu Hữu	Khang	06/04/2001	6.0	Sáu	
13	Nguyễn Văn	Khánh	12/02/2001	6.0	Sáu	
14	Hồ	Khoa	22/10/2001	9.0	Chín	
15	Phạm Trần Anh	Kiệt	24/10/2001	9.0	Chín	
16	Thân Tuấn	Kiệt	04/03/2001	8.0	Tám	
17	Nguyễn Việt	Lâm	08/08/2001	10.0	Mười	
18	Mo Bon Bên Ja	Mìn	16/04/2001	6.0	Sáu	
19	Trần Hữu	Nghĩa	09/07/2001	6.0	Sáu	
20	Đoàn Văn	Nguyên	17/11/2001	6.5	Sáu năm	
21	Nguyễn Văn	Quyền	25/12/2001	8.0	Tám	
22	Nguyễn Bảo	Son	16/07/2001	6.0	Sáu	
23	Danh	Thành	01/01/2000	6.5	Sáu năm	
24	Danh	The	01/01/2000	7.0	Bảy	

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
25	Phạm Minh	Thừa	08/10/2001	5.0	Năm	

Số SV dự thi: 25

Số SV vắng thi: 01

Tổng số bài thi: 25

Tổng số tờ: 25

Phòng Khảo thí & ĐBCL

(Ký, ghi rõ họ tên)

ThS. Dương Huỳnh Thanh Túy

BẢNG GHI ĐIỂM THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
HỌC KỲ: III - NĂM HỌC: 2021 - 2022

Lớp: 19COT1-N2+19COT3-N1 (Ca 2)

Số tín chỉ: 02

Ngày thi: 18/06/2022

Môn: Kỹ thuật vận hành ô tô

Hệ: CDCQ

Phòng thi: Xưởng

Địa điểm thi: 23 Hữu Nghị, phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
1	Mã Công	Anh	16/02/2001	7.0	Bảy	
2	Nguyễn Đức	Bảo	15/07/1999	7.0	Bảy	
3	Lê Chí	Cánh	26/03/2001	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Quốc	Cường	24/12/1999	10.0	Mười	
5	Nguyễn Bảo	Di	18/04/2001	9.0	Chín	
6	Kiên Minh	Duy	02/01/2001	8.0	Tám	
7	Ya	Duyệt	31/12/2001	8.0	Tám	
8	Tô Phúc	Hải	08/11/2001	6.0	Sáu	
9	Đặng Đức	Hậu	07/06/2001	10.0	Mười	
10	Trương Đại	Hiệp	14/06/2001	7.0	Bảy	
11	Lê Trọng	Hiếu	13/11/2001	7.0	Bảy	
12	Nguyễn Văn	Hùng	02/01/2001	9.0	Chín	
13	Phạm Văn	Hưng	03/09/2001	8.0	Tám	
14	Lê Quyền	Huy	23/08/2001	9.0	Chín	
15	Trần Quang	Huy	13/03/2001	9.0	Chín	
16	Lê Dương	Khang	07/08/2000	6.5	Sáu năm	
17	Phạm Gia	Khiêm	12/12/2000	10.0	Mười	
18	Từ Anh	Kiệt	22/02/2001	10.0	Mười	
19	Trương Khánh	Linh	01/04/2001	10.0	Mười	
20	Phan Văn	Lợi	24/1/2001	9.0	Chín	
21	Phạm Hoàng	Long	25/4/2001	8.0	Tám	
22	Nguyễn Chí	Mến	18/12/2001	9.0	Chín	
23	Phạm Quốc	Toàn	25/02/2001	9.0	Chín	
24	Hoàng	Tuấn	10/01/1998	10.0	Mười	

TT	Họ và chữ lót	Tên	Ngày sinh	Điểm		Ghi chú
				Số	Chữ	
25	Nguyễn Văn	Yên	21/03/2001	6.0	Sáu	

Số SV dự thi: 25

Số SV vắng thi: 00

Tổng số bài thi: 25

Tổng số tờ: 25

Phòng Khảo thí & ĐBCL

(Ký, ghi rõ họ tên)

ThS. Dương Huỳnh Thanh Túy